BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM**

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ( DỰ KIẾN)

Đợt xét tốt nghiệp tháng 06 / 2014

**Lưu ý: Sinh viên cần phải hoàn tất thủ tục xét tốt nghiệp tại Khoa/Bộ môn để được công nhận tốt nghiệp**

**SV có thắc mắc về kết quả xét hoặc đang học cải thiện các môn học cần nộp đơn ở đề nghị không xét tốt nghiệp tại Khoa/BM**

| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | Phái | ĐTB | TC | Xếp loại | Nơi sinh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Lớp: CD10CI - Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính Quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Cơ khí công nghệ** | | | | | | | | | | |
| 1 | 10344046 | ĐẶNG ĐỨC | HIẾU | 15/05/92 | Nam | 2.24 | 100 | Trung bình | | |
| 2 | 10344058 | MAI THỊ | HẢO | 15/08/92 | Nữ | 2.16 | 101 | Trung bình | | |
| **Lớp: DH08NL - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Cơ khí công nghệ** | | | | | | | | | | |
| 1 | 08137044 | LÊ THỊ | THU | 26/11/89 | Nữ | 2.93 | 139 | Khá | Thanh Hóa | |
| **Lớp: DH08OT - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Cơ khí công nghệ** | | | | | | | | | | |
| 1 | 08154022 | TRẦN LÊ THANH | PHONG | 03/08/90 | Nam | 3.02 | 141 | Khá | Tây Ninh | |
| **Lớp: DH09CC - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Cơ khí công nghệ** | | | | | | | | | | |
| 1 | 09119025 | VŨ THỊ | SÁNG | 02/01/90 | Nữ | 2.98 | 139 | Khá | Bình Phước | |
| **Lớp: DH09CD - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Cơ khí công nghệ** | | | | | | | | | | |
| 1 | 09153045 | LÊ TIẾN | DŨNG | 19/09/90 | Nam | 2.28 | 140 | Trung bình | | |
| 2 | 09153048 | BÙI XUÂN | HẢI | 25/10/89 | Nam | 2.56 | 141 | Khá | Quãng Trị | |
| **Lớp: DH09OT - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Cơ khí công nghệ** | | | | | | | | | | |
| 1 | 09154083 | PHAN NGỌC | NHẤT | 15/06/91 | Nam | 2.44 | 142 | Trung bình | Phú Yên | |

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ( DỰ KIẾN)

**Lưu ý: Sinh viên cần phải hoàn tất thủ tục xét tốt nghiệp tại Khoa/Bộ môn để được công nhận tốt nghiệp**

**SV có thắc mắc về kết quả xét hoặc đang học cải thiện các môn học cần nộp đơn ở đề nghị không xét tốt nghiệp tại Khoa/BM**

| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | Phái | ĐTB | TC | Xếp loại | Nơi sinh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Lớp: DH09TD - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Cơ khí công nghệ** | | | | | | | | | | |
| 1 | 09138004 | LÊ VĂN | DUẨN | 19/01/90 | Nam | 2.42 | 140 | Trung bình | Ninh Bình | |
| 2 | 09138014 | NGUYỄN MINH | TẤN | 08/05/91 | Nam | 2.25 | 140 | Trung bình | Sông Bé | |
| **Lớp: DH09TY - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Chăn nuôi Thú Y** | | | | | | | | | | |
| 1 | 09112039 | VÕ ĐÌNH | HÀ | 25/02/91 | Nam | 2.24 | 167 | Trung bình | Lâm Đồng | |
| **Lớp: DH10CN - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Chăn nuôi Thú Y** | | | | | | | | | | |
| 1 | 10111003 | TRƯƠNG NGỌC | ANH | 13/10/92 | Nam | 2.31 | 135 | Trung bình | Lâm Đồng | |
| 2 | 10111046 | NGUYỄN VĂN HUẤN | ĐỨC | /02/92 | Nam | 2.85 | 135 | Khá | Bắc Giang | |
| 3 | 10111048 | NGUYỄN THỊ | DIỄM | 02/07/92 | Nữ | 2.45 | 136 | Trung bình | Tiền Giang | |
| **Lớp: DH10TA - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Chăn nuôi Thú Y** | | | | | | | | | | |
| 1 | 10161141 | LÊ MINH | TUẤN | 01/04/92 | Nam | 3.40 | 137 | Giỏi | Thừa Thiên Huế | |
| **Lớp: DH09HH - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Công nghệ hóa học** | | | | | | | | | | |
| 1 | 09139193 | NGUYỄN THỊ | TRANG | 08/01/91 | Nữ | 2.72 | 141 | Khá | Hà Tây | |
| 2 | 09139234 | DƯƠNG THỊ | VÂN | 12/02/90 | Nữ | 2.48 | 142 | Trung bình | Nam Định | |
| **Lớp: DH10HH - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Công nghệ hóa học** | | | | | | | | | | |
| 1 | 10139020 | PHẠM NGỌC | CƯỜNG | 23/08/92 | Nam | 3.39 | 140 | Giỏi | Phú Yên | |
| 2 | 10139024 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | DUNG | 16/07/92 | Nữ | 2.61 | 141 | Khá | Khánh Hoà | |
| 3 | 10139028 | NGUYỄN THANH | DUY | 10/07/92 | Nam | 3.33 | 142 | Giỏi | Bến Tre | |
| 4 | 10139034 | TRẦN QUANG | ĐẠI | 07/06/92 | Nam | 3.25 | 141 | Giỏi | Bình Thuận | |
| 5 | 10139038 | NGUYỄN VŨ PHÁT | ĐẠT | 09/04/92 | Nam | 3.61 | 140 | Xuất sắc | Tây Ninh | |
| 6 | 10139048 | NGUYỄN VĂN | GIÀU | 02/09/91 | Nam | 3.19 | 141 | Khá | Gia Lai | |
| 7 | 10139091 | ĐÀO TIẾN | HƯNG | 15/01/92 | Nam | 3.33 | 142 | Giỏi | Đồng Nai | |
| 8 | 10139118 | NGUYỄN THỊ | LỜI | 01/01/92 | Nữ | 2.93 | 141 | Khá | Quảng Nam | |

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ( DỰ KIẾN)

**Lưu ý: Sinh viên cần phải hoàn tất thủ tục xét tốt nghiệp tại Khoa/Bộ môn để được công nhận tốt nghiệp**

**SV có thắc mắc về kết quả xét hoặc đang học cải thiện các môn học cần nộp đơn ở đề nghị không xét tốt nghiệp tại Khoa/BM**

| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | Phái | ĐTB | TC | Xếp loại | Nơi sinh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | 10139120 | VÕ THỊ CHÚC | LY | 03/06/92 | Nữ | 2.66 | 141 | Khá | Kiên Giang | |
| 10 | 10139127 | NGUYỄN NGỌC | MINH | 15/07/92 | Nam | 2.85 | 142 | Khá | Cà Mau | |
| 11 | 10139133 | NGUYỄN HOÀI | NAM | 19/11/92 | Nam | 3.64 | 141 | Xuất sắc | Đồng Nai | |
| 12 | 10139136 | VÕ THỊ LIÊN | NGA | 10/04/92 | Nữ | 2.80 | 140 | Khá | Phú Yên | |
| 13 | 10139138 | LÊ THỊ KIM | NGÂN | 08/03/92 | Nữ | 3.00 | 140 | Khá | | |
| 14 | 10139175 | NGUYỄN THỊ YẾN | PHƯƠNG | 25/05/92 | Nữ | 3.10 | 141 | Khá | Đồng Tháp | |
| 15 | 10139188 | NGUYỄN THÀNH | SANG | 13/02/91 | Nam | 3.27 | 141 | Giỏi | Bình Dương | |
| 16 | 10139199 | TRẦN NGUYỄN THANH | TÂM | 01/01/92 | Nam | 2.75 | 140 | Khá | Tp. HCM | |
| 17 | 10139225 | NGUYỄN THỊ THU | THỦY | 12/04/92 | Nữ | 3.01 | 141 | Khá | Ninh Thuận | |
| 18 | 10139232 | CAO NGỌC ANH | THƯ | 29/05/92 | Nữ | 3.25 | 140 | Giỏi | Tiền Giang | |
| 19 | 10139234 | PHẠM ANH | THƯ | 06/01/92 | Nữ | 2.91 | 140 | Khá | An Giang | |
| 20 | 10139235 | LÊ THỊ HỒNG | THY | 02/10/92 | Nữ | 2.59 | 140 | Khá | Vĩnh Long | |
| 21 | 10139247 | NGUYỄN THỊ MINH | TRANG | 10/01/92 | Nữ | 2.92 | 141 | Khá | Bình Thuận | |
| 22 | 10139262 | TRẦN NHẬT | TRƯỜNG | 10/01/92 | Nam | 2.92 | 140 | Khá | Bến Tre | |
| 23 | 10139267 | NGUYỄN MINH | TUẤN | 06/06/92 | Nam | 3.20 | 140 | Giỏi | Long An | |
| 24 | 10139286 | NGUYỄN NHẬT | VŨ | 05/11/92 | Nam | 3.03 | 141 | Khá | Bình Thuận | |
| 25 | 10139289 | PHAN THỊ THẢO | XUÂN | 27/11/92 | Nữ | 3.26 | 141 | Giỏi | Bến Tre | |
| **Lớp: CD09CA - Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính Quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Kinh tế** | | | | | | | | | | |
| 1 | 09363029 | NGUYỄN THỊ | BÚP | 24/07/91 | Nữ | 2.04 | 108 | Trung bình | Long An | |
| 2 | 09363113 | NGUYỄN NGỌC MỸ | LINH | 25/01/91 | Nữ | 2.20 | 108 | Trung bình | TP. Hồ Chí Minh | |
| **Lớp: CD10CA - Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính Quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Kinh tế** | | | | | | | | | | |
| 1 | 10363043 | NGUYỄN THỊ NGỌC | HÀ | 08/05/86 | Nữ | 2.19 | 109 | Trung bình | Đồng Nai | |
| 2 | 10363045 | ĐÀO THÚY | VÂN | 30/04/92 | Nữ | 2.15 | 109 | Trung bình | Bình Định | |
| 3 | 10363086 | LINH TÚ | PHƯỢNG | 28/10/92 | Nữ | 2.67 | 109 | Khá | Đồng Nai | |
| 4 | 10363106 | TRẦN THIÊN | TRANG | 21/03/92 | Nữ | 2.65 | 111 | Khá | tây Ninh | |

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ( DỰ KIẾN)

**Lưu ý: Sinh viên cần phải hoàn tất thủ tục xét tốt nghiệp tại Khoa/Bộ môn để được công nhận tốt nghiệp**

**SV có thắc mắc về kết quả xét hoặc đang học cải thiện các môn học cần nộp đơn ở đề nghị không xét tốt nghiệp tại Khoa/BM**

| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | Phái | ĐTB | TC | Xếp loại | Nơi sinh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | 10363174 | LƯU THỊ | HUYỀN | 07/07/92 | Nữ | 2.51 | 109 | Khá | Hà Tĩnh | |
| 6 | 10363181 | MAI LỆ | THỦY | 01/11/91 | Nữ | 2.73 | 108 | Khá | Đăk lăk | |
| 7 | 10363185 | BÙI THỊ | THANH | 02/09/90 | Nữ | 2.46 | 108 | Trung bình | Ninh Bình | |
| **Lớp: DH08KEGL - Hệ Đào Tạo: ĐH Chính Quy - Khoa/BM: Kinh tế** | | | | | | | | | | |
| 1 | 08123258 | TRẦN CÔNG | DANH | 13/04/90 | Nam | 6.11 | 207 | Trung bình khá | | |
| 2 | 08123262 | CÙ MINH | ĐẠT | 07/10/90 | Nam | 5.90 | 213 | Trung bình | | |
| **Lớp: DH09KE - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Kinh tế** | | | | | | | | | | |
| 1 | 09123082 | VÕ THỊ | MAI | 17/05/91 | Nữ | 2.38 | 138 | Trung bình | Nghệ An | |
| **Lớp: DH09KM - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Kinh tế** | | | | | | | | | | |
| 1 | 09143039 | NGUYỄN VĂN | TRỌNG | 06/03/90 | Nam | 2.66 | 131 | Khá | Bình định | |
| 2 | 09143085 | NGUYỄN ĐỨC | VINH | 23/06/91 | Nam | 2.40 | 131 | Trung bình | Đồng Nai | |
| **Lớp: DH09TM - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Kinh tế** | | | | | | | | | | |
| 1 | 09150035 | TRƯƠNG HOÀNG | HOA | 14/11/91 | Nam | 2.50 | 136 | Khá | Tây Ninh | |
| **Lớp: DH10KE - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Kinh tế** | | | | | | | | | | |
| 1 | 10123022 | NGUYỄN LÊ KIỀU | DIỄM | 18/09/91 | Nữ | 2.64 | 137 | Khá | Bến Tre | |
| 2 | 10123081 | LÊ THỊ LONG | KHÁNH | 08/09/92 | Nữ | 2.58 | 137 | Khá | Vũng Tàu | |
| 3 | 10123106 | TRƯƠNG THỊ QUỲNH | MAI | 24/09/92 | Nữ | 3.17 | 137 | Khá | Đồng Nai | |
| 4 | 10123167 | LÊ THỊ BÍCH | THẢO | 17/12/92 | Nữ | 2.65 | 137 | Khá | Đăk Lăk | |
| 5 | 10123190 | BÙI NGỌC | TIỀN | 28/02/92 | Nữ | 2.45 | 136 | Trung bình | Bến Tre | |
| 6 | 10123205 | HỒ | TRUNG | 10/10/91 | Nam | 3.03 | 137 | Khá | Đăk Lăk | |

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ( DỰ KIẾN)

**Lưu ý: Sinh viên cần phải hoàn tất thủ tục xét tốt nghiệp tại Khoa/Bộ môn để được công nhận tốt nghiệp**

**SV có thắc mắc về kết quả xét hoặc đang học cải thiện các môn học cần nộp đơn ở đề nghị không xét tốt nghiệp tại Khoa/BM**

| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | Phái | ĐTB | TC | Xếp loại | Nơi sinh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Lớp: DH10KM - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Kinh tế** | | | | | | | | | | |
| 1 | 10143015 | DƯƠNG TIẾN | DŨNG | 26/11/92 | Nam | 2.82 | 132 | Khá | Sông Bé | |
| 2 | 10143024 | VÕ THỊ THU | HÀ | 20/06/91 | Nữ | 3.04 | 131 | Khá | Đăk Lăk | |
| 3 | 10143050 | THÂN THỊ ÁI | NHI | 02/03/92 | Nữ | 2.71 | 130 | Khá | Lâm Đồng | |
| 4 | 10143063 | LÊ VIẾT | TÂM | / /90 | Nam | 2.85 | 131 | Khá | Sông Bé | |
| 5 | 10143077 | TRẦN THỊ HỒNG | THÚY | 12/05/92 | Nữ | 2.88 | 131 | Khá | Khánh Hoà | |
| 6 | 10143096 | NGÔ THỊ BẠCH | TUYẾT | 27/07/92 | Nữ | 2.90 | 131 | Khá | Bà Rịa - Vũng Tàu | |
| **Lớp: DH10KN - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Kinh tế** | | | | | | | | | | |
| 1 | 10155006 | NGUYỄN TRUNG | SUỐT | 20/08/91 | Nam | 2.99 | 136 | Khá | Đăk Lăk | |
| 2 | 10155013 | PHẠM THỊ HỒNG | ĐOAN | 02/06/92 | Nữ | 3.19 | 136 | Khá | Khánh Hoà | |
| 3 | 10155029 | LÝ THỊ HOÀI | THƯƠNG | 30/11/92 | Nữ | 3.10 | 138 | Khá | Tp. HCM | |
| 4 | 10155055 | CÁP LÊ VƯƠNG | KHÁNH | 02/09/92 | Nữ | 2.66 | 137 | Khá | Đồng Nai | |
| 5 | 10155056 | NGUYỄN THỊ | PHƯƠNG | 10/11/92 | Nữ | 2.78 | 137 | Khá | Bình Đinh | |
| 6 | 10155058 | NGUYỄN NGỌC | QUÝ | 29/04/92 | Nữ | 2.81 | 136 | Khá | Bến Tre | |
| **Lớp: DH10KT - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Kinh tế** | | | | | | | | | | |
| 1 | 10120010 | PHAN TẤN | ĐẠT | 09/11/92 | Nam | 2.50 | 138 | Khá | Bình Phước | |
| 2 | 10120017 | VĂN THỊ | HỒNG | 26/08/92 | Nữ | 2.86 | 138 | Khá | | |
| 3 | 10120023 | ĐINH THỊ KIM | LOAN | 01/04/92 | Nữ | 2.52 | 137 | Khá | Lạng Sơn | |
| 4 | 10120034 | ĐẶNG THỊ LỆ | QUYÊN | 21/06/92 | Nữ | 2.98 | 138 | Khá | Tp. HCM | |
| 5 | 10120035 | TRẦN THỊ | SƯƠNG | 12/08/92 | Nữ | 3.04 | 139 | Khá | | |
| 6 | 10120049 | NGUYỄN THỊ THANH | TRÚC | 05/12/92 | Nữ | 2.82 | 138 | Khá | Bình Thuận | |
| 7 | 10120056 | NGUYỄN CHÂU QUANG | VINH | 05/10/92 | Nam | 2.92 | 138 | Khá | Tp. HCM | |

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ( DỰ KIẾN)

**Lưu ý: Sinh viên cần phải hoàn tất thủ tục xét tốt nghiệp tại Khoa/Bộ môn để được công nhận tốt nghiệp**

**SV có thắc mắc về kết quả xét hoặc đang học cải thiện các môn học cần nộp đơn ở đề nghị không xét tốt nghiệp tại Khoa/BM**

| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | Phái | ĐTB | TC | Xếp loại | Nơi sinh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Lớp: DH10QT - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Kinh tế** | | | | | | | | | | |
| 1 | 10122004 | HOÀNG THỊ MAI | ANH | 25/08/92 | Nữ | 3.03 | 138 | Khá | | |
| 2 | 10122037 | TRẦN VĂN | DƯỠNG | 10/02/92 | Nam | 2.98 | 137 | Khá | | |
| 3 | 10122040 | NGUYỄN THỊ NGỌC | ĐIỆP | 27/06/92 | Nữ | 3.29 | 137 | Giỏi | Bến Tre | |
| 4 | 10122044 | NGUYỄN THỊ MINH | HẢI | 10/03/92 | Nữ | 2.89 | 137 | Khá | | |
| 5 | 10122064 | NGUYỄN | HỒ | 19/02/92 | Nam | 2.84 | 137 | Khá | | |
| 6 | 10122084 | HỒ MỸ | LINH | 05/08/92 | Nữ | 3.15 | 136 | Khá | | |
| 7 | 10122085 | HUỲNH THỊ MỸ | LINH | 17/07/92 | Nữ | 3.20 | 138 | Giỏi | | |
| 8 | 10122097 | NGUYỄN THỊ HUỲNH | NGA | 09/11/91 | Nữ | 3.21 | 137 | Giỏi | | |
| 9 | 10122125 | CAO THỊ | PHƯƠNG | 05/03/92 | Nữ | 2.78 | 136 | Khá | | |
| 10 | 10122141 | BÙI THỊ KIM | THANH | 24/09/92 | Nữ | 2.84 | 137 | Khá | | |
| 11 | 10122169 | LÊ THỊ NHA | TRANG | 13/11/92 | Nữ | 2.52 | 137 | Khá | | |
| 12 | 10122189 | PHẠM THỊ | TUYẾT | 01/04/92 | Nữ | 2.99 | 136 | Khá | | |
| **Lớp: DH10TC - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Kinh tế** | | | | | | | | | | |
| 1 | 10164016 | NGUYỄN THỊ NGỌC | LAN | 27/06/92 | Nữ | 3.61 | 137 | Xuất sắc | Bến Tre | |
| **Lớp: DH10TM - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Kinh tế** | | | | | | | | | | |
| 1 | 10150017 | TRẦN THỊ | HOÀI | 22/07/92 | Nữ | 3.18 | 136 | Khá | Nghệ An | |
| 2 | 10150024 | TRƯƠNG THỊ THU | HƯƠNG | 02/12/92 | Nữ | 3.33 | 136 | Giỏi | | |
| 3 | 10150027 | TRẦN THỊ | KHUYÊN | 17/11/92 | Nữ | 2.85 | 135 | Khá | Nghệ An | |
| 4 | 10150037 | NGUYỄN THỊ NGỌC | LY | 21/06/92 | Nữ | 3.00 | 135 | Khá | | |
| 5 | 10150046 | HUỲNH PHƯƠNG | NGÂN | 28/04/92 | Nữ | 3.24 | 135 | Giỏi | | |
| 6 | 10150053 | ĐẶNG THỊ KIM | NHÀN | 16/09/92 | Nữ | 2.70 | 135 | Khá | | |
| 7 | 10150078 | NGUYỄN CAO | THIÊN | 02/10/92 | Nam | 2.89 | 135 | Khá | | |
| 8 | 10150086 | DƯƠNG PHƯƠNG THANH | THƯ | 19/09/92 | Nữ | 2.87 | 136 | Khá | | |

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ( DỰ KIẾN)

**Lưu ý: Sinh viên cần phải hoàn tất thủ tục xét tốt nghiệp tại Khoa/Bộ môn để được công nhận tốt nghiệp**

**SV có thắc mắc về kết quả xét hoặc đang học cải thiện các môn học cần nộp đơn ở đề nghị không xét tốt nghiệp tại Khoa/BM**

| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | Phái | ĐTB | TC | Xếp loại | Nơi sinh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Lớp: TC05KEBL - Hệ Đào Tạo: ĐH VLVH (Tại chức) - Khoa/BM: Kinh tế** | | | | | | | | | | |
| 1 | 05223604 | VÕ THỊ NGỌC | BÍCH | 26/10/86 | Nữ | 5.80 | 192 | Trung bình | Bạc Liêu | |
| 2 | 05223681 | LÂM CHÁNH | THỨC | 10/09/86 | Nam | 5.76 | 182 | Trung bình | Bạc Liêu | |
| **Lớp: TC05KEDA - Hệ Đào Tạo: ĐH VLVH (Tại chức) - Khoa/BM: Kinh tế** | | | | | | | | | | |
| 1 | 05223226 | LÊ NGỌC THANH | PHƯƠNG | 24/06/82 | Nữ | 5.68 | 183 | Trung bình | Đồng Nai | |
| 2 | 05223301 | ĐINH NGUYỄN THANH | GIANG | 19/03/85 | Nữ | 6.00 | 183 | Trung bình khá | Đồng Nai | |
| **Lớp: TC05KETĐ - Hệ Đào Tạo: ĐH VLVH (Tại chức) - Khoa/BM: Kinh tế** | | | | | | | | | | |
| 1 | 05223081 | ĐOÀN THỊ THÙY | NHUNG | 24/04/81 | Nữ | 5.97 | 182 | Trung bình | TP.HCM | |
| **Lớp: TC06KEDN - Hệ Đào Tạo: ĐH VLVH (Tại chức) - Khoa/BM: Kinh tế** | | | | | | | | | | |
| 1 | 06223487 | NGUYỄN THỊ TƯỜNG | VY | 01/03/80 | Nữ | 6.28 | 191 | Trung bình khá | Quảng Ngãi | |
| 2 | 06223493 | NGUYỄN THỤY | Ý | 25/06/85 | Nữ | 6.08 | 191 | Trung bình khá | Bà Rịa Vũng Tàu | |
| **Lớp: TC06QTDN - Hệ Đào Tạo: ĐH VLVH (Tại chức) - Khoa/BM: Kinh tế** | | | | | | | | | | |
| 1 | 06222331 | ĐỖ BÁ | VƯƠNG | 22/02/87 | Nam | 6.08 | 193 | Trung bình khá | Thái Bình | |
| **Lớp: TC06QTVQ - Hệ Đào Tạo: ĐH VLVH (Tại chức) - Khoa/BM: Kinh tế** | | | | | | | | | | |
| 1 | 06222366 | ĐẶNG KHẢ | HÂN | 08/12/85 | Nữ | 6.54 | 193 | Trung bình khá | Thừa Thiên Huế | |
| 2 | 06222406 | NGUYỄN QUANG | THỊNH | 01/11/83 | Nam | 5.91 | 193 | Trung bình | Vĩnh Long | |
| **Lớp: TC07KE - Hệ Đào Tạo: ĐH VLVH (Tại chức) - Khoa/BM: Kinh tế** | | | | | | | | | | |
| 1 | 07223161 | NGUYỄN TẤN | ĐIỆP | 15/02/81 | Nam | 6.01 | 188 | Trung bình khá | Bình Định | |
| 2 | 07223170 | TRẦN THỊ TRUNG | HIẾU | 12/06/86 | Nữ | 5.97 | 188 | Trung bình | Hà Tĩnh | |
| 3 | 07223172 | MAI XUÂN | HỌC | 20/11/81 | Nam | 6.01 | 188 | Trung bình khá | Quảng Bình | |
| 4 | 07223181 | KIÊN SA | MẮC | / /87 | Nam | 6.37 | 188 | Trung bình khá | Trà Vinh | |
| 5 | 07223193 | LƯU THỊ QUỲNH | NHƯ | 01/01/84 | Nữ | 5.96 | 188 | Trung bình | Đồng Nai | |

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ( DỰ KIẾN)

**Lưu ý: Sinh viên cần phải hoàn tất thủ tục xét tốt nghiệp tại Khoa/Bộ môn để được công nhận tốt nghiệp**

**SV có thắc mắc về kết quả xét hoặc đang học cải thiện các môn học cần nộp đơn ở đề nghị không xét tốt nghiệp tại Khoa/BM**

| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | Phái | ĐTB | TC | Xếp loại | Nơi sinh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | 07223214 | NGUYỄN THỊ THANH | THÚY | 10/10/82 | Nữ | 6.03 | 188 | Trung bình khá | Quảng Ngãi | |
| 7 | 07223219 | TRẦN THỊ BẢO | TRÂN | 05/01/84 | Nữ | 6.33 | 188 | Trung bình khá | Tp. HCM | |
| **Lớp: TC07KETĐHệ Đào Tạo: ĐH VLVH (Tại chức)** | | | | | **- Khoa/BM: Kinh tế** | | | | | |
| 1 | 07223016 | LÊ THỊ | ĐUA | 28/12/84 | Nữ | 6.76 | 186 | Trung bình khá | Hà Nội | |
| 2 | 07223041 | TRẦN THỊ THẾ | KIỀU | 15/09/78 | Nữ | 6.06 | 186 | Trung bình khá | Bình Dương | |
| 3 | 07223042 | BÙI THỊ PHƯƠNG | LAN | 28/05/83 | Nữ | 6.61 | 186 | Trung bình khá | Bình Trị Thiên | |
| 4 | 07223068 | DƯƠNG ÁI | NGỌC | 28/03/83 | Nam | 6.41 | 186 | Trung bình khá | Bình Định | |
| 5 | 07223076 | ĐỖ THỊ HOÀNG | OANH | 16/02/83 | Nữ | 6.31 | 186 | Trung bình khá | Tp.HCM | |
| 6 | 07223132 | NGUYỄN THỊ | VÀNG | 06/11/83 | Nữ | 6.17 | 186 | Trung bình khá | Tp.HCM | |
| 7 | 07223133 | PHẠM THỊ THU | VÂN | 08/07/81 | Nữ | 6.48 | 186 | Trung bình khá | Tp.HCM | |
| **Lớp: TC07QTTĐHệ Đào Tạo: ĐH VLVH (Tại chức)** | | | | | **- Khoa/BM: Kinh tế** | | | | | |
| 1 | 07222022 | NGUYỄN LÊ BÌNH | DƯƠNG | 27/10/84 | Nữ | 6.30 | 193 | Trung bình khá | Tp.HCM | |
| 2 | 07222069 | TRẦN NGUYỄN TRÚC | MAI | / /82 | Nữ | 6.65 | 193 | Trung bình khá | Tiền Giang | |
| 3 | 07222100 | TRẦN THANH | SANG | 29/08/85 | Nam | 6.45 | 193 | Trung bình khá | Tp.HCM | |
| 4 | 07222129 | NGUYỄN THỊ THANH | THỦY | 26/05/83 | Nữ | 6.79 | 193 | Trung bình khá | Nghệ An | |
| 5 | 07222150 | NGÔ THANH | TÙNG | 20/10/86 | Nam | 6.49 | 193 | Trung bình khá | Long An | |
| **Lớp: TC08KE - Hệ Đào Tạo: ĐH VLVH (Tại chức)** | | | | | **- Khoa/BM: Kinh tế** | | | | | |
| 1 | 08223206 | TĂNG TRANG CẨM | TÚ | 11/03/88 | Nữ | 5.93 | 132 | Trung bình | Đồng Nai | |
| **Lớp: DH08LN - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)** | | | | | **- Khoa/BM: Lâm nghiệp** | | | | | |
| 1 | 08114087 | ĐẶNG THANH | TIẾN | 28/10/90 | Nam | 2.59 | 136 | Khá | Bình định | |

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ( DỰ KIẾN)

**Lưu ý: Sinh viên cần phải hoàn tất thủ tục xét tốt nghiệp tại Khoa/Bộ môn để được công nhận tốt nghiệp**

**SV có thắc mắc về kết quả xét hoặc đang học cải thiện các môn học cần nộp đơn ở đề nghị không xét tốt nghiệp tại Khoa/BM**

| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | Phái | ĐTB | TC | Xếp loại | Nơi sinh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Lớp: DH09LN - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Lâm nghiệp** | | | | | | | | | | |
| 1 | 09114012 | PHÙNG ĐỨC | DŨNG | 24/09/91 | Nam | 2.37 | 136 | Trung bình | Hà Tĩnh | |
| 2 | 09114014 | ĐỖ DANH | ĐỨC | 09/08/91 | Nam | 2.76 | 136 | Khá | Lâm Đồng | |
| 3 | 09114083 | RAHLAN | TIẾT | 06/02/88 | Nam | 2.23 | 134 | Trung bình | Gia Lai | |
| 4 | 09114112 | DƯƠNG VĂN | THÀNH | 12/12/91 | Nam | 2.78 | 134 | Khá | Lâm Đồng | |
| **Lớp: DH09NK - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Lâm nghiệp** | | | | | | | | | | |
| 1 | 09146050 | HỒ ĐÌNH | QUANG | 11/01/91 | Nam | 2.04 | 138 | Trung bình | Đồng Nai | |
| **Lớp: DH09QR - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Lâm nghiệp** | | | | | | | | | | |
| 1 | 09147055 | NGÔ CÔNG | LỘC | 25/08/91 | Nam | 2.42 | 138 | Trung bình | Quảng Nam | |
| **Lớp: DH08QMGH - Hệ Đào Tạo: ĐH Chính Quy - Khoa/BM: Môi trường và Tài nguyên** | | | | | | | | | | |
| 1 | 08149273 | PHAN PHÚC | TÍN | 02/11/90 | Nam | 6.31 | 220 | Trung bình khá | | |
| **Lớp: DH08TK - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Môi trường và Tài nguyên** | | | | | | | | | | |
| 1 | 08160013 | TRƯƠNG VĂN | BIỀN | 20/06/90 | Nam | 2.16 | 139 | Trung bình | Hải dương | |
| **Lớp: DH09DL - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Môi trường và Tài nguyên** | | | | | | | | | | |
| 1 | 09157033 | HOÀNG THỊ ANH | ĐÀO | 01/02/91 | Nữ | 2.64 | 138 | Khá | Đăk Lăk | |
| **Lớp: DH09TK - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Môi trường và Tài nguyên** | | | | | | | | | | |
| 1 | 09160030 | LÊ HỮU | ĐỨC | 30/01/91 | Nam | 2.77 | 140 | Khá | TP.HCM | |
| 2 | 09160036 | NGUYỄN ĐỨC | HẢI | 01/10/90 | Nam | 2.57 | 139 | Khá | Đồng Nai | |

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ( DỰ KIẾN)

**Lưu ý: Sinh viên cần phải hoàn tất thủ tục xét tốt nghiệp tại Khoa/Bộ môn để được công nhận tốt nghiệp**

**SV có thắc mắc về kết quả xét hoặc đang học cải thiện các môn học cần nộp đơn ở đề nghị không xét tốt nghiệp tại Khoa/BM**

| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | Phái | ĐTB | TC | Xếp loại | Nơi sinh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Lớp: DH10DL - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Môi trường và Tài nguyên** | | | | | | | | | | |
| 1 | 10157089 | NGUYỄN THỊ TIỂU | LINH | 15/05/91 | Nữ | 2.70 | 138 | Khá | Bà Rịa - Vũng Tàu | |
| 2 | 10157099 | PHẠM PHƯỚC | LỘC | 05/07/92 | Nam | 3.25 | 139 | Giỏi | Tp. HCM | |
| 3 | 10157124 | VÕ THỊ MỸ | NGỌC | 18/02/92 | Nữ | 3.16 | 138 | Khá | Cà Mau | |
| 4 | 10157158 | VÕ BÁ | TÀI | 19/05/92 | Nam | 2.87 | 138 | Khá | Long An | |
| 5 | 10157179 | TRẦN THỊ KIM | THI | 15/01/92 | Nữ | 2.91 | 138 | Khá | Bến Tre | |
| 6 | 10157204 | NGUYỄN THÀNH VÂN | TRANG | 25/12/91 | Nữ | 2.64 | 139 | Khá | Đồng Nai | |
| 7 | 10157236 | TRÀ THỊ KIM | YẾN | 29/08/92 | Nữ | 2.71 | 139 | Khá | Tây Ninh | |
| 8 | 10157237 | ĐẶNG THÚY | AN | 14/06/92 | Nữ | 2.87 | 138 | Khá | Bình Định | |
| **Lớp: DH10QM- Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Môi trường và Tài nguyên** | | | | | | | | | | |
| 1 | 09149183 | VI VĂN | THẮNG | 29/03/89 | Nam | 2.45 | 138 | Trung bình | Lạng Sơn | |
| 2 | 10149103 | VÕ THỊ | LỜI | 22/11/92 | Nữ | 2.58 | 138 | Khá | Bình Phước | |
| 3 | 10149123 | BÙI THỊ UYÊN | NGHI | 08/07/91 | Nữ | 3.23 | 138 | Giỏi | Kon Tum | |
| 4 | 10149145 | VÕ SÔ | PHILÍP | 13/09/92 | Nam | 2.74 | 138 | Khá | | |
| 5 | 10149153 | LẠI THỊ | PHƯỢNG | 14/01/92 | Nữ | 2.85 | 138 | Khá | Ninh Bình | |
| 6 | 10149216 | VŨ THỊ THU | TRANG | 13/08/92 | Nữ | 2.65 | 139 | Khá | Ninh Bình | |
| **Lớp: DH10TK - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Môi trường và Tài nguyên** | | | | | | | | | | |
| 1 | 10160008 | PHAN CÔNG | ANH | 16/08/92 | Nam | 3.30 | 140 | Giỏi | Hà Tĩnh | |
| 2 | 10160047 | NGUYỄN THỊ DIỄM | KIỀU | 18/12/92 | Nữ | 3.03 | 139 | Khá | Tp. HCM | |
| 3 | 10160057 | NGUYỄN SƠN | NAM | 30/10/92 | Nam | 2.81 | 140 | Khá | Long An | |

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ( DỰ KIẾN)

**Lưu ý: Sinh viên cần phải hoàn tất thủ tục xét tốt nghiệp tại Khoa/Bộ môn để được công nhận tốt nghiệp**

**SV có thắc mắc về kết quả xét hoặc đang học cải thiện các môn học cần nộp đơn ở đề nghị không xét tốt nghiệp tại Khoa/BM**

| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | Phái | ĐTB | TC | Xếp loại | Nơi sinh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Lớp: DH07NHA Hệ Đào Tạo: ĐH Chính Quy - Khoa/BM: Nông học** | | | | | | | | | | |
| 1 | 07113176 | ĐẶNG HUỲNH MINH | SƠN | 16/09/88 | Nam | 6.15 | 232 | Trung bình khá | Đăk Lăk | |
| **Lớp: DH07NHGL Hệ Đào Tạo: ĐH Chính Quy - Khoa/BM: Nông học** | | | | | | | | | | |
| 1 | 07113341 | TRẦN SỸ | NGUYÊN | 29/08/89 | Nam | 6.25 | 232 | Trung bình khá | | |
| **Lớp: DH08BV - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Nông học** | | | | | | | | | | |
| 1 | 08145113 | NGUYỄN VĂN | TÙNG | 20/11/90 | Nam | 2.37 | 148 | Trung bình | Long An | |
| **Lớp: DH08NH - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Nông học** | | | | | | | | | | |
| 1 | 07113108 | ĐẶNG THÀNH | LUÂN | 06/11/88 | Nam | 2.14 | 147 | Trung bình | Bình Thuận | |
| **Lớp: DH08NHGL Hệ Đào Tạo: ĐH Chính Quy - Khoa/BM: Nông học** | | | | | | | | | | |
| 1 | 08113230 | LÊ KIM | HÙNG | 28/06/89 | Nam | 6.35 | 153 | Trung bình khá | | |
| 2 | 08113247 | VŨ BÁ | LINH | 05/05/90 | Nam | 6.16 | 150 | Trung bình khá | | |
| 3 | 08113280 | CHU SÔNG | THƯƠNG | 16/07/89 | Nam | 6.62 | 148 | Trung bình khá | | |
| 4 | 08113283 | PHẠM DUY | TRUNG | 23/11/90 | Nam | 6.66 | 148 | Trung bình khá | | |
| 5 | 08113289 | HOÀNG VĂN | VIỆT | 26/09/88 | Nam | 6.30 | 150 | Trung bình khá | | |
| **Lớp: DH09BV - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Nông học** | | | | | | | | | | |
| 1 | 09145016 | LÊ ĐẶNG TRÍ | DIỄN | 08/12/91 | Nam | 2.51 | 147 | Khá | Tiền Giang | |
| 2 | 09145031 | NGÔ VĂN | HẬU | 20/10/90 | Nam | 2.36 | 147 | Trung bình | Đồng Tháp | |
| 3 | 09145095 | LÂM THỊ THANH | TÂM | 25/07/89 | Nữ | 2.33 | 149 | Trung bình | An Giang | |
| 4 | 09145120 | NGUYỄN CAO | TRỌNG | 15/06/90 | Nam | 3.13 | 147 | Khá | An Giang | |
| 5 | 09145127 | VÕ THANH | TUẤN | 20/06/91 | Nam | 2.40 | 147 | Trung bình | Tiền Giang | |

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ( DỰ KIẾN)

**Lưu ý: Sinh viên cần phải hoàn tất thủ tục xét tốt nghiệp tại Khoa/Bộ môn để được công nhận tốt nghiệp**

**SV có thắc mắc về kết quả xét hoặc đang học cải thiện các môn học cần nộp đơn ở đề nghị không xét tốt nghiệp tại Khoa/BM**

| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | Phái | ĐTB | TC | Xếp loại | Nơi sinh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Lớp: DH09NH - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Nông học** | | | | | | | | | | |
| 1 | 09113002 | NGUYỄN PHƯƠNG | BẮC | 21/10/91 | Nam | 2.53 | 146 | Khá | Đồng Nai | |
| 2 | 09113044 | LÒ NGUYỄN QUỐC | HUY | 08/03/91 | Nam | 2.61 | 146 | Khá | Lâm Đồng | |
| 3 | 09113068 | ĐẶNG THÀNH | LUÂN | 18/01/89 | Nam | 2.79 | 146 | Khá | Sông Bé | |
| 4 | 09113069 | NGUYỄN BÌNH | LUÂN | 01/01/90 | Nam | 3.44 | 146 | Giỏi | Gia Lai | |
| **Lớp: TC06NHCC - Hệ Đào Tạo: ĐH VLVH (Tại chức) - Khoa/BM: Nông học** | | | | | | | | | | |
| 1 | 06213208 | HÀ LÊ TRUNG | HIẾU | 16/08/81 | Nam | 5.92 | 202 | Trung bình | Cần Thơ | |
| **Lớp: TC06NHNX - Hệ Đào Tạo: ĐH VLVH (Tại chức) - Khoa/BM: Nông học** | | | | | | | | | | |
| 1 | 06213101 | LƯU NGUYỄN NGỌC | ANH | 17/09/85 | Nữ | 5.65 | 204 | Trung bình | Đồng Nai | |
| **Lớp: TC07NH - Hệ Đào Tạo: ĐH VLVH (Tại chức) - Khoa/BM: Nông học** | | | | | | | | | | |
| 1 | 07213007 | VÕ CHÍ | CÔNG | 24/10/78 | Nam | 5.84 | 200 | Trung bình | Đồng Nai | |
| **Lớp: TC08NHNX - Hệ Đào Tạo: ĐH VLVH (Tại chức) - Khoa/BM: Nông học** | | | | | | | | | | |
| 1 | 08213101 | NGUYỄN HUỲNH | ANH | 19/07/88 | Nữ | 6.52 | 131 | Trung bình khá | Đồng Nai | |
| 2 | 08213102 | THÁI HOÀNG | ANH | 04/05/85 | Nam | 6.29 | 131 | Trung bình khá | Đồng Nai | |
| 3 | 08213108 | NGUYỄN THỊ XUÂN | DUNG | 13/03/67 | Nữ | 6.55 | 131 | Trung bình khá | Đồng Nai | |
| 4 | 08213110 | NGUYỄN VĂN | ĐOÀN | 09/01/76 | Nam | 5.85 | 131 | Trung bình | Hải Hưng | |
| 5 | 08213115 | NGUYỄN THỊ THU | HIỀN | 20/12/90 | Nam | 6.37 | 131 | Trung bình khá | Đồng Nai | |
| 6 | 08213117 | NGUYỄN DUY | HIẾU | 02/07/90 | Nam | 6.08 | 131 | Trung bình khá | Đồng Nai | |
| 7 | 08213119 | TRẦN THỊ NGỌC | HIẾU | 13/03/84 | Nữ | 6.21 | 131 | Trung bình khá | Đồng Nai | |
| 8 | 08213121 | ĐỖ DOÃN | HỢI | 12/04/83 | Nam | 6.36 | 131 | Trung bình khá | Thanh Hóa | |
| 9 | 08213123 | VÕ THỊ XUÂN | HÒA | 18/03/89 | Nữ | 6.31 | 131 | Trung bình khá | Đồng Nai | |
| 10 | 08213125 | NGUYỄN KIM THANH | HÙNG | 16/07/89 | Nữ | 5.90 | 131 | Trung bình | Đồng Nai | |
| 11 | 08213132 | NGUYỄN THÚC | LONG | 14/01/87 | Nam | 5.83 | 131 | Trung bình | Đồng Nai | |

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ( DỰ KIẾN)

**Lưu ý: Sinh viên cần phải hoàn tất thủ tục xét tốt nghiệp tại Khoa/Bộ môn để được công nhận tốt nghiệp**

**SV có thắc mắc về kết quả xét hoặc đang học cải thiện các môn học cần nộp đơn ở đề nghị không xét tốt nghiệp tại Khoa/BM**

| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | Phái | ĐTB | TC | Xếp loại | Nơi sinh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 12 | 08213134 | BỒ THỊ NGỌC | MAI | 24/01/89 | Nữ | 6.22 | 131 | Trung bình khá | Đồng Nai | |
| 13 | 08213135 | LÊ VĂN | MẠNH | 27/09/71 | Nam | 6.37 | 131 | Trung bình khá | Hưng Yên | |
| 14 | 08213138 | NGUYỄN THANH | MINH | 06/06/76 | Nam | 6.20 | 131 | Trung bình khá | ??ng Nai | |
| 15 | 08213139 | PHẠM TRUNG | MINH | 20/05/84 | Nam | 6.19 | 131 | Trung bình khá | Đồng Nai | |
| 16 | 08213140 | NGUYỄN HOÀNG | MỸ | 12/12/71 | Nam | 6.24 | 131 | Trung bình khá | Đồng Nai | |
| 17 | 08213143 | PHẠM THỊ KIM | NHUNG | 09/04/89 | Nữ | 6.29 | 131 | Trung bình khá | Đồng Nai | |
| 18 | 08213144 | NGUYỄN NHƯ | PHƯƠNG | 10/12/78 | Nữ | 6.18 | 131 | Trung bình khá | Đồng Nai | |
| 19 | 08213145 | NGUYỄN QUỐC | QUẢNG | 26/03/78 | Nam | 5.93 | 131 | Trung bình | Đồng Nai | |
| 20 | 08213146 | PHẠM QUANG | QUYỀN | 10/03/65 | Nam | 6.41 | 131 | Trung bình khá | Ninh Bình | |
| 21 | 08213147 | NGUYỄN NGỌC | QUÝ | 25/12/89 | Nam | 6.45 | 131 | Trung bình khá | Đồng Nai | |
| 22 | 08213151 | NGUYỄN NGỌC | SƠN | 25/11/61 | Nam | 6.60 | 131 | Trung bình khá | Đà Nẵng | |
| 23 | 08213153 | THÁI BÌNH | TÂM | 02/11/87 | Nam | 6.22 | 131 | Trung bình khá | Đồng Nai | |
| 24 | 08213154 | HOÀNG MINH | TẤN | 20/03/87 | Nam | 6.07 | 131 | Trung bình khá | Đồng Nai | |
| 25 | 08213158 | NGUYỄN VĂN | THẬT | 25/04/84 | Nam | 6.26 | 131 | Trung bình khá | Đồng Nai | |
| 26 | 08213159 | TRẦN MẠNH | THẮNG | 10/02/62 | Nam | 6.17 | 131 | Trung bình khá | Vĩnh Phúc | |
| 27 | 08213165 | MAI THỊ THU | THỦY | 30/10/86 | Nữ | 6.60 | 131 | Trung bình khá | Đồng Nai | |
| 28 | 08213167 | MAI MINH | TỰ | 08/05/85 | Nam | 6.20 | 131 | Trung bình khá | Bến Tre | |
| 29 | 08213168 | TỐNG XUÂN | TƯỞNG | 09/06/80 | Nam | 6.25 | 131 | Trung bình khá | Hà Bắc | |
| 30 | 08213173 | NGUYỄN QUANG | VINH | 24/04/86 | Nam | 6.35 | 131 | Trung bình khá | Đồng Nai | |
| **Lớp: DH08AVQ Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Ngoại ngữ - Sư phạm** | | | | | | | | | | |
| 1 | 08128088 | BÙI TRÍ | THẠNH | 18/09/89 | Nữ | 2.66 | 141 | Khá | Phú Yên | |

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ( DỰ KIẾN)

**Lưu ý: Sinh viên cần phải hoàn tất thủ tục xét tốt nghiệp tại Khoa/Bộ môn để được công nhận tốt nghiệp**

**SV có thắc mắc về kết quả xét hoặc đang học cải thiện các môn học cần nộp đơn ở đề nghị không xét tốt nghiệp tại Khoa/BM**

| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | Phái | ĐTB | TC | Xếp loại | Nơi sinh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Lớp: CD10CQ - Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính Quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Quản lý đất đai và Bất động sản** | | | | | | | | | | |
| 1 | 10333021 | LÊ THANH | TÙNG | 03/09/92 | Nam | 2.60 | 107 | Khá | Nghệ An | |
| 2 | 10333032 | TRẦN MINH | TÀI | 03/06/92 | Nam | 2.79 | 107 | Khá | Ninh Thuận | |
| 3 | 10333053 | NGUYỄN CÔNG | LỰC | 15/08/89 | Nam | 2.01 | 107 | Trung bình | Đồng Nai | |
| 4 | 10333054 | ĐINH SỸ | THIẾT | 04/02/92 | Nam | 2.15 | 107 | Trung bình | Hà Tĩnh | |
| 5 | 10333084 | TÔ PHƯƠNG | HÀ | 12/04/92 | Nữ | 2.39 | 107 | Trung bình | Khánh Hòa | |
| 6 | 10333085 | TRẦN THỊ HỒNG | THẮM | 25/12/92 | Nữ | 2.04 | 107 | Trung bình | Tây Ninh | |
| **Lớp: DH08QLGLHệ Đào Tạo: ĐH Chính Quy - Khoa/BM: Quản lý đất đai và Bất động sản** | | | | | | | | | | |
| 1 | 08124137 | ĐẶNG BẢO | ĐĂNG | 06/09/90 | Nam | 6.02 | 219 | Trung bình khá | | |
| 2 | 08124154 | ĐỖ HOÀNG | LONG | 21/06/89 | Nam | 6.12 | 219 | Trung bình khá | | |
| **Lớp: DH09QL - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Quản lý đất đai và Bất động sản** | | | | | | | | | | |
| 1 | 09124113 | TRẦN THỊ CẨM | TÚ | 02/01/91 | Nữ | 2.51 | 140 | Khá | BR-VT | |
| **Lớp: DH09QLGLHệ Đào Tạo: ĐH Chính Quy - Khoa/BM: Quản lý đất đai và Bất động sản** | | | | | | | | | | |
| 1 | 09124157 | HỒ THOẠI | MỸ | 03/04/91 | Nữ | 6.72 | 223 | Trung bình khá | | |
| 2 | 09124167 | PHẠM HẢI | TRIỀU | 16/04/87 | Nam | 6.11 | 233 | Trung bình khá | | |
| 3 | 09124174 | NGUYỄN QUANG | HẢI | 01/12/90 | Nam | 5.58 | 223 | Trung bình | | |
| **Lớp: DH10QL - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Quản lý đất đai và Bất động sản** | | | | | | | | | | |
| 1 | 10124014 | HUỲNH CÔNG | ÂN | 06/05/92 | Nam | 2.87 | 139 | Khá | Bến Tre | |
| 2 | 10124018 | NGÔ THỊ KIM | BÌNH | 20/07/91 | Nữ | 2.80 | 139 | Khá | Tây Ninh | |
| 3 | 10124023 | VŨ HOÀNG | DIỄM | 05/01/92 | Nữ | 2.58 | 139 | Khá | Đồng Nai | |
| 4 | 10124054 | PHAN THỊ THÚY | HIỀN | 22/05/92 | Nữ | 2.83 | 140 | Khá | Quảng Bình | |
| 5 | 10124057 | LÊ THỊ | HOA | 25/05/91 | Nữ | 2.80 | 140 | Khá | Thanh Hóa | |
| 6 | 10124078 | DƯƠNG MINH | HỬU | 12/04/92 | Nam | 3.13 | 140 | Khá | Long An | |

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ( DỰ KIẾN)

**Lưu ý: Sinh viên cần phải hoàn tất thủ tục xét tốt nghiệp tại Khoa/Bộ môn để được công nhận tốt nghiệp**

**SV có thắc mắc về kết quả xét hoặc đang học cải thiện các môn học cần nộp đơn ở đề nghị không xét tốt nghiệp tại Khoa/BM**

| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | Phái | ĐTB | TC | Xếp loại | Nơi sinh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 7 | 10124096 | NGUYỄN THỊ | LINH | 12/10/92 | Nữ | 2.93 | 140 | Khá | Nam Định | |
| 8 | 10124107 | LÊ THỊ | LỤA | 08/04/92 | Nữ | 2.83 | 139 | Khá | Bình Phước | |
| 9 | 10124111 | VÕ ĐỨC | MẾN | 03/05/92 | Nam | 2.56 | 139 | Khá | Bình Thuận | |
| 10 | 10124122 | HOÀNG THỊ | NGA | 25/01/91 | Nữ | 3.20 | 140 | Giỏi | Hà Tĩnh | |
| 11 | 10124139 | NGUYỄN NGỌC | NHI | 03/04/92 | Nữ | 2.92 | 140 | Khá | Bình Dương | |
| 12 | 10124153 | NGUYỄN THỊ MỸ | PHƯƠNG | 01/09/92 | Nữ | 2.93 | 139 | Khá | Phú Yên | |
| 13 | 10124156 | NGUYỄN THỊ BÍCH | PHƯỢNG | 08/07/92 | Nữ | 3.23 | 139 | Giỏi | Đồng Nai | |
| 14 | 10124157 | TRẦN THỊ BÍCH | PHƯỢNG | 12/10/91 | Nữ | 3.11 | 139 | Khá | Bà Rịa - Vũng Tàu | |
| 15 | 10124159 | NGUYỄN THỊ LỆ | QUYÊN | 27/03/92 | Nữ | 2.96 | 139 | Khá | Bình Đinh | |
| 16 | 10124162 | LÂM THỊ THU | SANG | 15/07/92 | Nữ | 2.64 | 140 | Khá | Bình Thuận | |
| 17 | 10124167 | TRẦN ANH | TÀI | 28/04/91 | Nam | 2.86 | 140 | Khá | Quảng Bình | |
| 18 | 10124168 | LÊ THỊ | TÂM | 17/12/91 | Nữ | 3.20 | 140 | Giỏi | Quảng Nam | |
| 19 | 10124182 | LÊ CHÍ | THÂM | / /90 | Nam | 2.72 | 140 | Khá | Tây Ninh | |
| 20 | 10124196 | ĐẶNG THỊ BÍCH | THỦY | 28/02/92 | Nữ | 2.91 | 139 | Khá | Tiền Giang | |
| 21 | 10124215 | NGUYỄN THỊ THÙY | TRANG | 18/09/92 | Nữ | 3.36 | 139 | Giỏi | Tp. HCM | |
| 22 | 10124220 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG | TRẦM | 11/06/92 | Nữ | 2.65 | 139 | Khá | Khánh Hoà | |
| 23 | 10124224 | LÊ THỊ ÁI | TRINH | 10/03/92 | Nữ | 3.13 | 141 | Khá | Quảng Nam | |
| 24 | 10124231 | TIÊU VIẾT | TRƯỜNG | 14/11/92 | Nam | 2.55 | 140 | Khá | Đồng Nai | |
| 25 | 10124233 | BÙI NGỌC ANH | TUẤN | 12/10/92 | Nam | 3.12 | 139 | Khá | Bình Dương | |
| 26 | 10124256 | NGUYỄN THỊ HẢI | YẾN | 03/12/92 | Nữ | 2.88 | 140 | Khá | Sông Bé | |
| 27 | 10124257 | NGUYỄN THỊ KIM | YẾN | 20/10/92 | Nữ | 2.93 | 139 | Khá | Tiền Giang | |
| 28 | 10124258 | VÕ THỊ KIM | YẾN | 02/01/92 | Nữ | 3.26 | 140 | Giỏi | Bến Tre | |
| 29 | 10124277 | SIU | Ú | 18/08/91 | Nam | 2.47 | 139 | Trung bình | Gia Lai | |

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ( DỰ KIẾN)

**Lưu ý: Sinh viên cần phải hoàn tất thủ tục xét tốt nghiệp tại Khoa/Bộ môn để được công nhận tốt nghiệp**

**SV có thắc mắc về kết quả xét hoặc đang học cải thiện các môn học cần nộp đơn ở đề nghị không xét tốt nghiệp tại Khoa/BM**

| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | Phái | ĐTB | TC | Xếp loại | Nơi sinh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Lớp: LT10QL - Hệ Đào Tạo: ĐH Liên thông - Khoa/BM: Quản lý đất đai và Bất động sản** | | | | | | | | | | |
| 1 | 10424022 | VÕ AN | HÒA | 05/12/87 | Nam | 2.12 | 65 | Trung bình | Đắk Nông | |
| 2 | 10424056 | NGUYỄN ĐĂNG | PHƯƠNG | 20/02/86 | Nam | 2.40 | 65 | Trung bình | Đồng Nai | |
| 3 | 10424075 | PHẠM VĂN | TIỆP | 23/08/87 | Nam | 2.48 | 65 | Trung bình | Hải Dương | |
| **Lớp: LT11QL - Hệ Đào Tạo: ĐH Liên thông - Khoa/BM: Quản lý đất đai và Bất động sản** | | | | | | | | | | |
| 1 | 11424046 | LÊ HUỲNH HIỀN | MY | 24/09/89 | Nữ | 2.82 | 64 | Khá | Quảng Nam | |
| 2 | 11424049 | TRẦN THỊ THANH | NGUYÊN | 01/05/87 | Nữ | 2.29 | 64 | Trung bình | Quảng Nam | |
| 3 | 11424064 | LÊ THỊ | THỦY | 24/05/89 | Nữ | 2.10 | 61 | Trung bình | Quảng Nam | |
| 4 | 11424071 | NGUYỄN THỊ THU | TRANG | 15/02/89 | Nữ | 2.59 | 61 | Khá | Đồng Nai | |
| 5 | 11424078 | LÊ THỊ | TUYẾN | 02/01/89 | Nữ | 2.78 | 64 | Khá | Thanh Hóa | |
| **Lớp: TC08QLKH Hệ Đào Tạo: ĐH VLVH (Tại chức) - Khoa/BM: Quản lý đất đai và Bất động sản** | | | | | | | | | | |
| 1 | 08224127 | LÊ TRƯƠNG | HIẾU | 10/10/86 | Nam | 6.27 | 131 | Trung bình khá | Đắk Lắk | |
| 2 | 08224187 | NGUYỄN HỒNG | TRUNG | 12/01/82 | Nam | 6.59 | 133 | Trung bình khá | Khánh Hòa | |
| 3 | 08224194 | VÕ ĐINH SƠN | TÙNG | 18/06/87 | Nam | 6.19 | 133 | Trung bình khá | TP. HCM | |
| **Lớp: DH09SH - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Công nghệ sinh học** | | | | | | | | | | |
| 1 | 09126281 | PI NĂNG THỊ | HỒNG | 01/01/87 | Nữ | 2.58 | 140 | Khá | Ninh Thuận | |
| **Lớp: DH10SH - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Công nghệ sinh học** | | | | | | | | | | |
| 1 | 10126106 | NGÔ MINH | NHÂM | 09/03/92 | Nữ | 2.43 | 140 | Trung bình | Kiên Giang | |
| **Lớp: DH08SP - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Sư phạm kỹ thuật** | | | | | | | | | | |
| 1 | 08132013 | VÕ THANH | DUY | 13/10/90 | Nam | 2.55 | 139 | Khá | Tiền Giang | |

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ( DỰ KIẾN)

**Lưu ý: Sinh viên cần phải hoàn tất thủ tục xét tốt nghiệp tại Khoa/Bộ môn để được công nhận tốt nghiệp**

**SV có thắc mắc về kết quả xét hoặc đang học cải thiện các môn học cần nộp đơn ở đề nghị không xét tốt nghiệp tại Khoa/BM**

| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | Phái | ĐTB | TC | Xếp loại | Nơi sinh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Lớp: DH09SP - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Sư phạm kỹ thuật** | | | | | | | | | | |
| 1 | 09132031 | TRẦN PHÚ | DANH | 08/08/89 | Nam | 2.38 | 141 | Trung bình | Lâm Đồng | |
| **Lớp: DH10SK - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Sư phạm kỹ thuật** | | | | | | | | | | |
| 1 | 10158028 | TRẦN THỊ | NHUNG | 02/04/91 | Nữ | 3.36 | 143 | Giỏi | Hòa Bình | |
| 2 | 10158055 | LƯƠNG THỊ QUỲNH | PHƯỢNG | / /92 | Nữ | 3.34 | 142 | Giỏi | | |
| 3 | 10158074 | BÙI THỊ HUYỀN | TRANG | 04/12/91 | Nữ | 3.49 | 142 | Giỏi | Tp. HCM | |
| 4 | 10158077 | NGUYỄN THỊ TRÚC | LIÊN | 15/02/92 | Nữ | 3.07 | 142 | Khá | Bình Thuận | |
| 5 | 10158080 | NGUYỄN THỊ ÁNH | TUYẾT | 02/06/92 | Nữ | 3.06 | 142 | Khá | Bình Dương | |
| **Lớp: DH10SP - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Sư phạm kỹ thuật** | | | | | | | | | | |
| 1 | 10132001 | NGUYỄN THỊ KIM | CHÂU | 28/04/92 | Nữ | 2.73 | 141 | Khá | Quảng Trị | |
| 2 | 10132007 | NGUYỄN HOÀI | NHÂN | 06/02/92 | Nam | 2.95 | 140 | Khá | Tây Ninh | |
| **Lớp: DH10BQ - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Công nghệ thực phẩm** | | | | | | | | | | |
| 1 | 10125001 | NGUYỄN THỊ | HIỀN | 17/01/92 | Nữ | 2.66 | 141 | Khá | Bình Đinh | |
| 2 | 10125008 | LƯƠNG THỊ | ÁNH | 23/09/92 | Nữ | 2.98 | 140 | Khá | Nam Định | |
| 3 | 10125046 | HOÀNG THỊ | GIANG | 10/11/92 | Nữ | 2.17 | 140 | Trung bình | Thanh Hóa | |
| 4 | 10125067 | CAO THỊ | HỒNG | 14/09/91 | Nữ | 3.02 | 140 | Khá | Quảng Nam | |
| 5 | 10125072 | NGUYỄN THỊ | HƯƠNG | 04/08/91 | Nữ | 2.66 | 140 | Khá | Bắc Giang | |
| 6 | 10125125 | VÕ THỊ | NHUNG | 28/02/92 | Nữ | 3.12 | 140 | Khá | Quảng Trị | |
| 7 | 10125157 | LÊ CÔNG | THUẬN | 08/01/92 | Nam | 2.64 | 140 | Khá | Bình Đinh | |

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ( DỰ KIẾN)

**Lưu ý: Sinh viên cần phải hoàn tất thủ tục xét tốt nghiệp tại Khoa/Bộ môn để được công nhận tốt nghiệp**

**SV có thắc mắc về kết quả xét hoặc đang học cải thiện các môn học cần nộp đơn ở đề nghị không xét tốt nghiệp tại Khoa/BM**

| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | Phái | ĐTB | TC | Xếp loại | Nơi sinh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Lớp: DH10DD - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Công nghệ thực phẩm** | | | | | | | | | | |
| 1 | 10148020 | NGÔ VĂN | CHIẾN | 30/12/92 | Nam | 2.63 | 137 | Khá | Long An | |
| 2 | 10148022 | PHẠM THỊ | CHIẾN | 02/08/92 | Nữ | 2.74 | 137 | Khá | Bình Đinh | |
| 3 | 10148025 | NGUYỄN THỊ | CÚC | 04/06/92 | Nữ | 2.66 | 137 | Khá | Bình Đinh | |
| 4 | 10148043 | NGUYỄN LINH | ĐA | 20/05/92 | Nữ | 2.80 | 137 | Khá | Bình Thuận | |
| 5 | 10148050 | TRẦN ANH | ĐỨC | 07/09/92 | Nam | 2.82 | 137 | Khá | Đồng Nai | |
| 6 | 10148081 | TRẦN VĂN | HÒA | 06/08/92 | Nam | 2.25 | 138 | Trung bình | Đăk Lăk | |
| 7 | 10148082 | NGUYỄN XUÂN | HỒNG | 02/08/92 | Nữ | 3.00 | 137 | Khá | Tp. HCM | |
| 8 | 10148127 | NGUYỄN THỊ YẾN | LINH | 27/09/92 | Nữ | 2.74 | 137 | Khá | Tp. HCM | |
| 9 | 10148168 | THÂN THỊ | NGỌC | 10/05/92 | Nữ | 2.82 | 137 | Khá | Đồng Nai | |
| 10 | 10148181 | TRẦN THỊ CẨM | NHUNG | 09/04/92 | Nữ | 2.44 | 137 | Trung bình | Đồng Nai | |
| 11 | 10148198 | VŨ THỊ | PHƯỢNG | 07/08/92 | Nữ | 3.13 | 137 | Khá | Hải Dương | |
| 12 | 10148226 | NGUYỄN THỊ NGỌC | THẢO | 14/04/92 | Nữ | 2.71 | 139 | Khá | Quảng Ngãi | |
| 13 | 10148254 | TRẦN THỊ ANH | THƯ | 26/05/92 | Nữ | 2.66 | 137 | Khá | Đồng Nai | |
| 14 | 10148264 | DƯƠNG NGỌC | TRANG | 01/10/92 | Nữ | 2.63 | 138 | Khá | Hà Tĩnh | |
| 15 | 10148272 | TRƯƠNG THỊ THÙY | TRANG | 08/11/92 | Nữ | 3.11 | 138 | Khá | Đồng Nai | |
| 16 | 10148300 | MAI HOÀNG | TÚ | 10/04/92 | Nam | 2.21 | 139 | Trung bình | Tiền Giang | |
| 17 | 10148301 | NGUYỄN THẢO | UYÊN | 03/12/92 | Nữ | 2.79 | 137 | Khá | Đồng Nai | |
| 18 | 10148312 | NGUYỄN XUÂN | VĨ | 03/02/92 | Nam | 2.71 | 137 | Khá | Đồng Nai | |
| 19 | 10148320 | PHÙNG THỊ NGỌC | YẾN | 28/10/92 | Nữ | 2.58 | 137 | Khá | Cần Thơ | |
| 20 | 10148321 | HUỲNH THỊ NHƯ | Ý | 06/08/92 | Nữ | 2.81 | 137 | Khá | Đồng Tháp | |

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ( DỰ KIẾN)

**Lưu ý: Sinh viên cần phải hoàn tất thủ tục xét tốt nghiệp tại Khoa/Bộ môn để được công nhận tốt nghiệp**

**SV có thắc mắc về kết quả xét hoặc đang học cải thiện các môn học cần nộp đơn ở đề nghị không xét tốt nghiệp tại Khoa/BM**

| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | Phái | ĐTB | TC | Xếp loại | Nơi sinh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Lớp: DH10VT - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Công nghệ thực phẩm** | | | | | | | | | | |
| 1 | 10156005 | NGUYỄN THỊ BẢO | CHÂU | 07/02/92 | Nữ | 2.42 | 141 | Trung bình | Long An | |
| 2 | 10156066 | TRẦN MỸ CÔNG | THÀNH | 16/12/92 | Nam | 2.26 | 140 | Trung bình | Tp. HCM | |
| 3 | 10156086 | THI VĂN TUẤN | TÚ | 11/08/92 | Nam | 2.53 | 141 | Khá | Tp. HCM | |
| **Lớp: LT10BQ - Hệ Đào Tạo: ĐH Liên thông - Khoa/BM: Công nghệ thực phẩm** | | | | | | | | | | |
| 1 | 10425009 | NGUYỄN THỊ | DUYÊN | 14/02/84 | Nữ | 2.32 | 63 | Trung bình | Phú Yên | |
| 2 | 10425063 | ĐẶNG THỊ THANH | VÂN | 07/08/87 | Nữ | 2.60 | 60 | Khá | Lâm Đồng | |
| **Lớp: CD10CS - Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính Quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Thủy sản** | | | | | | | | | | |
| 1 | 10336068 | NGUYỄN VŨ MỸ | CHI | 30/11/92 | Nữ | 2.05 | 106 | Trung bình | Tp Hồ Chí Minh | |
| **Lớp: DH08CT - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Thủy sản** | | | | | | | | | | |
| 1 | 08117215 | DƯƠNG ĐĂNG | TRÁNG | 25/08/90 | Nam | 2.37 | 141 | Trung bình | Nghệ an | |
| **Lớp: DH08NT - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Thủy sản** | | | | | | | | | | |
| 1 | 08116214 | DANH PHÁT | HUY | 17/12/88 | Nam | 2.26 | 140 | Trung bình | | |
| **Lớp: DH08NY - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Thủy sản** | | | | | | | | | | |
| 1 | 08141056 | ĐẶNG THANH | TOÀN | 18/01/90 | Nam | 2.43 | 141 | Trung bình | Tiền giang | |
| **Lớp: DH09CT - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Thủy sản** | | | | | | | | | | |
| 1 | 09117061 | NGUYỄN VĂN | HÒA | 09/02/90 | Nam | 2.58 | 141 | Khá | Thanh Hóa | |
| 2 | 09117078 | NGUYỄN XUÂN | HÙNG | 18/05/90 | Nam | 2.02 | 140 | Trung bình | Thanh Hóa | |
| 3 | 09117184 | NGUYỄN THỊ THẢO | TIÊN | 19/09/91 | Nữ | 2.31 | 140 | Trung bình | Đồng Nai | |

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ( DỰ KIẾN)

**Lưu ý: Sinh viên cần phải hoàn tất thủ tục xét tốt nghiệp tại Khoa/Bộ môn để được công nhận tốt nghiệp**

**SV có thắc mắc về kết quả xét hoặc đang học cải thiện các môn học cần nộp đơn ở đề nghị không xét tốt nghiệp tại Khoa/BM**

| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | Phái | ĐTB | TC | Xếp loại | Nơi sinh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Lớp: DH09NY - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Thủy sản** | | | | | | | | | | |
| 1 | 09141077 | NGUYỄN QUỐC | NAM | 03/10/91 | Nam | 2.80 | 140 | Khá | Vũng Tàu | |
| **Lớp: DH10CT - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Thủy sản** | | | | | | | | | | |
| 1 | 10117004 | NGUYỄN THỊ MỸ | ÁNH | 11/11/92 | Nữ | 2.85 | 142 | Khá | Đồng Tháp | |
| 2 | 10117007 | NGUYỄN THANH | BÌNH | 11/04/92 | Nam | 2.74 | 142 | Khá | Bình Đinh | |
| 3 | 10117046 | DƯƠNG THỊ THU | HÀ | 11/06/92 | Nữ | 2.73 | 142 | Khá | Quảng Nam | |
| 4 | 10117129 | NGUYỄN THỊ LỆ | NGÂN | 25/05/92 | Nữ | 2.83 | 142 | Khá | Tiền Giang | |
| 5 | 10117251 | TRƯƠNG THỊ CẨM | VÂN | 15/10/92 | Nữ | 3.06 | 142 | Khá | Quảng Ngãi | |
| **Lớp: DH10KS - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Thủy sản** | | | | | | | | | | |
| 1 | 10171001 | NGUYỄN THẾ | ANH | 05/06/92 | Nam | 2.81 | 140 | Khá | Nam Định | |
| 2 | 10171009 | LÊ XUÂN THÙY | DƯƠNG | 05/09/92 | Nữ | 3.34 | 140 | Giỏi | Vĩnh Long | |
| 3 | 10171012 | NGUYỄN XUÂN | GHI | 13/07/92 | Nam | 2.61 | 141 | Khá | Đồng Tháp | |
| 4 | 10171082 | NGUYỄN THỊ THU | THẢO | 25/09/92 | Nữ | 3.22 | 141 | Giỏi | Tp. HCM | |
| 5 | 10171083 | PHAN THỊ KIM | PHƯỢNG | 10/06/92 | Nữ | 3.17 | 140 | Khá | Bến Tre | |
| 6 | 10171098 | NGUYỄN THỊ | LUYÊN | 22/01/91 | Nữ | 2.69 | 141 | Khá | Hải Dương | |
| **Lớp: DH10NT - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Thủy sản** | | | | | | | | | | |
| 1 | 10116022 | VŨ THỊ | DUYÊN | 26/03/92 | Nữ | 2.85 | 141 | Khá | Đồng Nai | |
| 2 | 10116031 | NGUYỄN THỊ HÀ | GIANG | 02/07/92 | Nữ | 2.50 | 142 | Khá | Hà Tĩnh | |
| 3 | 10116032 | PHẠM THANH | GIANG | 17/03/92 | Nam | 2.54 | 141 | Khá | Kiên Giang | |
| 4 | 10116075 | NGUYỄN THỊ HUỲNH | MAI | 10/08/92 | Nữ | 3.49 | 142 | Giỏi | Long An | |
| 5 | 10116105 | HUỲNH TẤN | SANG | 03/08/92 | Nam | 3.20 | 141 | Giỏi | Tây Ninh | |
| 6 | 10116112 | TRẦN VĂN | TÂM | 15/02/91 | Nam | 2.60 | 141 | Khá | Tây Ninh | |
| 7 | 10116144 | NGUYỄN NHẬT | TRÂM | 09/04/92 | Nữ | 2.34 | 142 | Trung bình | Phú Yên | |
| 8 | 10116166 | LÂM ĐỨC | TÀI | 09/11/90 | Nam | 2.63 | 142 | Khá | Sóc Trăng | |

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ( DỰ KIẾN)

**Lưu ý: Sinh viên cần phải hoàn tất thủ tục xét tốt nghiệp tại Khoa/Bộ môn để được công nhận tốt nghiệp**

**SV có thắc mắc về kết quả xét hoặc đang học cải thiện các môn học cần nộp đơn ở đề nghị không xét tốt nghiệp tại Khoa/BM**

| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | Phái | ĐTB | TC | Xếp loại | Nơi sinh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Lớp: DH10NY - Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ) - Khoa/BM: Thủy sản** | | | | | | | | | | |
| 1 | 10141007 | ĐẶNG HỒNG | NGỌC | 29/02/92 | Nam | 3.05 | 141 | Khá | Đồng Tháp | |
| **Lớp: LT11NT - Hệ Đào Tạo: ĐH Liên thông - Khoa/BM: Thủy sản** | | | | | | | | | | |
| 1 | 11416014 | NGUYỄN THÀNH | THẬT | 27/04/89 | Nam | 2.76 | 55 | Khá | | |
| 2 | 11416020 | TRẦN NAM | ĐẶNG | 30/03/90 | Nam | 3.00 | 55 | Khá | Dăk Lăk | |